

Bản án số: 120/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2023

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Duật

Ông Lê Văn Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Diệu H - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2023/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2023 và thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử phiên tòa số 372/TB-TA ngày 13/9/2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Xuân T**, sinh năm: 1979; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Hoàng Phương Đ**, sinh năm: 1977; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Phương Đ sau thời gian 02 năm tìm hiểu nhau, hai bên đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T (nay là phường T), thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 13/6/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian là 03 năm đầu, đến năm thứ 04 cho đến nay thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do ông Đ có những lời lẽ xúc phạm đến bà T tại cơ quan cũng như tại gia đình; ông Đ thường xuyên uống rượu bia, không quan tâm đến gia đình cũng như các con. Bà T đã cho ông Đ nhiều cơ hội nhưng ông Đ không chịu thay đổi cụ thể vào năm 2020 bà T đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án sau đó bà T đã rút đơn với mong muốn cho ông Đ thêm cơ hội sửa chữa nhưng Đ không thay đổi gì. Nay thấy mâu thuẫn đã kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Hoàng Phương Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Hoàng Nguyễn Phương H1, sinh ngày 20/8/2005 và Hoàng Nguyễn Phương N, sinh ngày 13/10/2007. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi cháu 02 cháu Phương H1 và Phương N đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay cháu H1 đã đủ 18 tuổi nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, ông Hoàng Phương Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà phát biểu:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự; Ông Đ vắng mặt lần hai không có lý do, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T, ông Đ đã quá trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hoàng Nguyễn Phương N, sinh ngày 13/10/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; ông Đ không phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không phải giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa hôm nay ông Đ không có yêu cầu phản tố và Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến

hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Hoàng Phương Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Tứ Hạ, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/6/2003, đúng quy định pháp luật, nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Đ có lời lẽ xúc phạm đến bà T, không ai quan tâm gì đến nhau. Trước đây bà T đã nộp đơn yêu cầu ly hôn, sau đó với mong muốn tạo cơ hội cho ông Đ sửa sai để vợ chồng đoàn tụ nên đã rút đơn khởi kiện (Quyết định đình chỉ giải vụ án dân số 83/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế) nhưng ông Đ không thay đổi gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ cố tình trốn tránh, không hợp tác mặc dù đã biết được việc bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Đ vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng, xem như bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình.

[2.2] Kết quả xác minh tại địa phương, xác định giữa ông Đ và bà T có xảy ra mâu thuẫn. Nay bà T có đơn yêu cầu ly hôn với ông Đ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.3] Điều này chứng tỏ hôn nhân của ông Đ và bà T thực sự không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung:

Vợ chồng có 02 người con chung tên là Hoàng Nguyễn Phương H1, sinh ngày 20/8/2005 và Hoàng Nguyễn Phương N, sinh ngày 13/10/2007. Bà T yêu cầu được nuôi cháu Hoàng Nguyễn Phương N cho đến khi đủ 18 tuổi là hợp lý và phù hợp với nguyện vọng của con. Bà T không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng cho con.

Đối với cháu Hoàng Nguyễn Phương H1, sinh ngày 20/8/2005 đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với ông Hoàng Phương Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Nguyễn Phương N, sinh ngày 13/10/2007 cho bà Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Ông Hoàng Phương Đ không phải cấp dưỡng cho con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 1486 ngày 12/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà T đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- UBND phường Tứ Hạ
(Số 18 ngày 13/6/2003)
- Các đương sự;
- Lưu dân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Nam